TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:94/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 15/8/2022
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Bà Bùi Thị Thu Hồng;**

Các Thẩm phán **: Ông Hoàng Chí Nguyện;**

Ông Phan Quyết Thắng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thu Hằng** – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân Thành phố HN.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố HN: **Bà Lê Thị Hồng Hạnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 08 năm 2022 Tòa án nhân dân thành phố HN xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số 76/2022/TLPT- HN&GĐ ngày 05 tháng 07 năm 2022. Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 162/2022/HN&GĐ-ST ngày 19/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện C.M, thành phố HN bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 146/2022/QĐPT-HN&GĐ ngày19/7/2022, giữa các đương sự:

NgU đơn: Anh Đ.V.T, sinh năm 1991 (có mặt).

Nơi ĐKHKTT và cư trú: Đội 9, thôn 5, xã Q.B, huyện C.M, Thành phố HN.

Bị đơn: Chị Đ.T.T, sinh năm 1992 (có mặt).

Nơi ĐKHKTT và cư trú: Đội 9, thôn 5, xã Q.B, huyện C.M, Tp. HN.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Anh Đ.V.T và chị Đ.T.T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 09/07/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Q.B, huyện C.M, Thành phố HN. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018, anh T đi xuất khẩu lao động tại NB, vì thời gian xa nhau lâu dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ngU nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ năm 2020 chị T cùng hai con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn sinh sống. Tháng 12 năm 2021 anh T về nước có gặp chị T trao đổi để vợ chồng hàn gắn cùng nhau chung sống nuôi con nhưng không đạt kết quả, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn hỏi han, quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T. Chị T cũng xác nhận tình trạng mâu thuẫn vợ chồng và quá trình chung sống như anh T trình bày. Tuy nhiên do còn tình cảm vợ chồng nên chị không đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh T và chị T có 02 con chung là Đ.T.T.U, sinh ngày 20/6/2013 và Đ.K.A, sinh ngày 29/9/2015. Khi ly hôn anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Kim Anh để chị T nuôi cháu U. Nếu được nuôi con anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại anh đang kinh doanh tự do và sửa chữa điện nước, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng /01 tháng. Về nhà ở: Anh đang ở cùng bố mẹ tại Quảng Bị, C.M, HN.

Chị T có ý kiến về con chung: anh chị có hai con chung đúng như anh T trình bày. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung, chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là 10.000.000 đồng/01 tháng. Hiện chị đang làm công nhân tại Công ty HLT ở khu công nghiệp Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, lương từ 8.000.000 đồng - 9.000.000 đồng/01 tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 162/HNGĐ-ST ngày 19/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện C.M đã Quyết định xử: Anh Đ.V.T được ly hôn chị Đ.T.T;**Về con chung:** Giao 01 con chung là cháu Đ.K.A, sinh ngày 29/9/2015 cho anh Đ.V.T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Giao 01 con chung là Đ.T.T.U, sinh ngày 20/6/2013 cho chị Đ.T.T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Đ.V.T và chị Đ.T.T có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đ.V.T cấp dưỡng nuôi

cháu Đ.T.T.U cho chị Đ.T.T số tiền là **3.000.000 đồng**/01 tháng (*Ba triệu đồng*) kể từ tháng 4 năm 2022 đến khi cháu U đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác; Về tài sản chung, công nợ chung**:** Anh T và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Ngoài ra bản án còn tU về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 29/4/2022 bị đơn chị Đ.T.T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm về phần con chung và việc cấp dưỡng nuôi dạy con chung

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn anh T không rút yêu cầu khởi kiện, chị T không rút yêu cầu kháng cáo. Chị T đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm giao hai con chung cho chị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung là 10.000.000 đồng/tháng. Yêu cầu anh T phải thanh toán tiền nuôi con trong thời gian 9 năm chị T phải nuôi con một mình với số tiền là 432.000.000 đồng. Anh T cũng đồng ý để chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Về mức cấp dưỡng nuôi con anh giữ nguyên mức cấp dưỡng cho hai con chung là 3.000.000 đồng/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố HN kết luận tại phiên tòa: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị T, sửa án sơ thẩm: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị giao hai con chung cho chị T được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo về việc tăng mức cấp dưỡng con chung và việc buộc anh T phải thanh toán tiền nuôi con chung số tiền là 432.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn là chị Đ.T.T trong thời hạn kháng cáo và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Xét về yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, giao hai con chung cho chị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng,

Buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung là 10.000.000 đồng/tháng. Yêu cầu anh T phải thanh toán tiền nuôi con trong thời gian 9 năm mà chị T cho rằng phải nuôi con một mình với số tiền là 432.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét:

Anh Đ.V.T và chị Đào Thi T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 09/07/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Bị, huyện C.M, Tp. HN là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng bố mẹ chồng tại Đội 9, thôn 5, xã Quảng Bị, huyện C.M, Thành phố HN. Qúa trình chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Do có nhiều mâu thuẫn, năm 2018 anh T đã đi xuất khẩu lao động sang NB và anh chị cũng đã chính thức sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Từ khi anh T trở về Việt Nam vào tháng 12/2021, anh chị vẫn không có biện pháp gì để cải thiện được tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã sâu sắc không có cơ hội để hàn gắn. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định cho anh T được ly hôn chị T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Anh chị có 02 con chung là Đ.T.T.U, sinh ngày 20/6/2013 và Đ.K.A, sinh ngày 29/9/2015. Trong suốt quá trình anh T đi xuất khẩu lao động tại NB từ năm 2018 cho đến nay, hai cháu vẫn đang được chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Hiện nay hai cháu đang ở cùng chị T và ông bà ngoại ở cùng thôn với nhà anh T. Chị T hiện tại đang làm công nhân tại Công ty HLT ở khu công nghiệp LS tỉnh HB, có thu nhập bình quân 8000.000- 9.000.000 đồng/tháng.Tại phiên tòa chị T giữ nguyên yêu cầu xin được trực tiếp nuôi hai con chung, anh T đồng ý. Thỏa thuận của anh chị tại phiên tòa về con chung là tự nguyện và có căn cứ, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, sửa án sơ thẩm, ghi nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung của anh chị.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung với mức 10.000.000 đồng/ tháng. Yêu cầu anh T phải thanh toán tiền nuôi con trong thời gian 9 năm mà chị T cho rằng phải nuôi con một mình với số tiền là 432.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét: Hiện tại anh T làm lao động tự do về ngành điện nước, thu nhập không ổn định với mức khoảng 8.000.000 đến 9.000.000 đồng/ tháng. Thời gian anh đi lao động ở NB, do đúng vào thời điểm dịch bệnh covid nên anh không có thu nhập được như mong muốn, anh T có gửi tiền về cho chị T nuôi con mấy lần với tổng số tiền khoảng 12.000.000 đồng. Chị T cũng xác nhận điều này. Theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình mức cấp dưỡng phải

phụ thuộc vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Do vậy, với thu nhập của anh T như trên, mức cấp dưỡng của anh T là 3.000.000 đồng/ tháng cho chị T nuôi con chung là phù hợp và có căn cứ. Hơn nữa, quyền và nghĩa vụ cùng chăm nom nuôi dưỡng con chung là của cả hai bố mẹ, căn cứ Điều 110 Luật Hôn nhân gia đình, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T về việc cấp dưỡng nuôi con chung và thanh toán toán tiền nuôi con chung trong thời kỳ hôn nhân. Giữ ngU quyết định của án sơ thẩm về mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nội dung vụ án nên được chấp nhận.

[3] Án phí: Do yêu cầu kháng cáo của chị T được chấp nhận một phần nên chị T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 56, Điều 81, Điều 82 , Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2015

Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm số 162/2022/HNGĐ-ST ngày 19/04/2022 của Tòa án nhân dân huyện C.M, cụ thể như sau:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ.V.T đối với chị Đ.T.T. Anh Đ.V.T được ly hôn chị Đ.T.T.

2.Về con chung: Xác định anh chị có hai con chung là cháu Đ.T.T.U, sinh ngày 20/6/2013 và cháu Đ.K.A, sinh ngày 29/9/2015. Giao cả hai cháu Thu U và cháu Kim Anh cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Đ.V.T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Đ.T.T số tiền là **3.000.000 đồng**/01 tháng (*Ba triệu đồng*) kể từ tháng 4 năm 2022 đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

3.Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4.Về án phí: Anh Đ.V.T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phần ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Đối trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0075619 ngày 11/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.M, HN. Anh Đ.V.T còn phải nộp 300.000 đồng. Hoàn trả cho T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0075925 ngày 23/05/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.M, HN.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 08 năm 2022.

Nơi nhận:
- VKSNDTP HN;
- TAND huyện C.M;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện C.M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thu Hồng